
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 36
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018</i>	<i>14 – 36</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200474316 ngày 25 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2018 thay đổi về vốn do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10: 120.999.920.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Bản Kiến Xương, xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
Điện thoại : 0212 374 8333
Email : thuongphuqt@gmail.com
Website : <http://www.thuongphu.com.vn/>
Mã số thuế : 3 2 0 0 4 7 4 3 1 6

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Võ Văn Thắng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Ủy viên	
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên	
Ông Hồ Văn Tiến	Ủy viên	
Ông Võ Thanh Việt	Ủy viên	Bổ nhiệm nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Bá Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Ngọc Lan	Trưởng ban
Ông Võ Văn Long	Thành viên
Ông Võ Ngọc Bằng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Ái	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Sơn La, ngày 28 tháng 03 năm 2019,

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Ái

Số : 1207.01.03/2018/NVT2-BCTC
Ngày : 28 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi : **Thành viên góp vốn, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2019 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690 - 2018 - 124 -1

Nguyễn Thị Tuyết

GCNĐKHNKT số: 1475 - 2018 - 124 -1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.712.695.500	92.747.542.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	143.061.839	3.431.013.486
1. Tiền	111		143.061.839	3.431.013.486
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.452.691.687	62.226.711.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	89.417.591.500	24.701.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	35.000.000	23.045.711.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.780.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	100.187	11.700.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.484.195.988	26.602.276.887
1. Hàng tồn kho	141	V.5	3.484.195.988	26.602.276.887
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		632.745.986	487.540.941
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	76.220.707	17.659.088
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		555.525.279	469.881.853
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	1.000.000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.281.704.054	79.598.224.775
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.339.485.471	11.882.658.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	44.339.485.471	11.882.658.000
Nguyên giá	222		53.009.350.278	18.420.790.278
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.669.864.807)	(6.538.132.278)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	67.500.619.048	64.164.356.634
1. Đầu tư vào công ty con	251		58.000.000.000	58.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.500.000.000	6.700.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(999.380.952)	(535.643.366)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.441.599.535	3.551.210.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	3.441.599.535	3.551.210.141
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		208.994.399.554	172.345.767.089

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		66.300.312.579	34.772.793.241
I. Nợ ngắn hạn	310		66.300.312.579	34.772.793.241
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	46.708.625.412	18.126.008.627
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	383.694.327	1.131.446.663
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	22.360.663	7.689.992
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	-	10.851.660
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	14.757.000.000	12.983.500.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	4.428.632.177	2.513.296.299
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

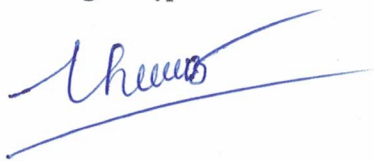
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.694.086.975	137.572.973.848
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	142.694.086.975	137.572.973.848
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.999.920.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.999.920.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.428.632.177	2.513.296.299
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.265.534.798	35.059.677.549
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.229.085.793	14.366.090.202
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.036.449.005	20.693.587.347
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		208.994.399.554	172.345.767.089

Người lập biểu



Phạm Thái Hà

Kế toán trưởng



Phạm Thái Hà

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Ái

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	131.310.011.939	159.262.413.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.080.000.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.230.011.939	159.262.413.891
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	119.688.726.302	134.748.320.434
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.541.285.637	24.514.093.457
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	20.142.548	10.707.823
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	767.459.584	969.976.279
Trong đó: chi phí lãi vay	23		274.542.551	422.653.876
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	429.320.256	539.041.802
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1.906.344.816	1.165.662.100
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.458.303.529	21.850.121.099
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.8	38.160.198	34.013.568
13. Lợi nhuận khác	40		(38.160.198)	(34.013.568)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.420.143.331	21.816.107.531
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	383.694.326	1.122.520.184
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.036.449.005	20.693.587.347

Người lập biểu

Phạm Thái Hà

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hà

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Hữu Ái

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.420.143.331	21.816.107.531
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.168.295.029	1.620.517.024
- Các khoản dự phòng	03	463.737.586	535.643.366
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(3.493.954)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	13.486.842	(1.755.205)
- Chi phí lãi vay	06	274.542.551	422.653.876
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.340.205.339	24.389.672.638
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(41.123.324.113)	(12.017.663.941)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	23.118.080.899	(10.380.312.562)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	25.587.838.645	18.031.359.223
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	92.488.987	(131.023.574)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(275.871.880)	(425.390.134)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.122.520.182)	(666.035.870)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.616.897.695	18.800.605.780
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(21.032.000.000)	(14.282.090.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	370.700.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.780.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.780.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.800.000.000)	(6.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.950.658	1.755.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.678.349.342)	(23.760.335.704)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	28.275.000.000	17.180.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.501.500.000)	(8.586.500.000)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.000.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.773.500.000	3.593.500.000	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.287.951.647)	(1.366.229.924)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	3.431.013.486	4.793.749.456	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	3.493.954	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	143.061.839	3.431.013.486	

Người lập biểu

Phạm Thái Hà

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hà

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Ái

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiển Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Sản xuất và thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh**
 - Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
 - Bán buôn sản phẩm nông nghiệp
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các Công ty con:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Thôn Lập Thành, Xã Đông Xuân, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội	96,67%	96,67%

Các Công ty được góp vốn khác

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần cà phê Avina	Thôn Lập Thành, xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	100%	7%

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiển Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiển Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty/Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 23.150,00 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 23.240,00 VND/USD.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

+ Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê, Bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-10
Máy móc, thiết bị	08-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Tài sản cố định khác	08

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Theo nghị quyết số 54B/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 6 năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, cụ thể:

Trích lập các quỹ	Tỷ lệ/LNST	Số tiền
Quỹ đầu tư phát triển	10%	1.915.335.878
Quỹ khen thưởng	5%	957.667.939
Quỹ phúc lợi	5%	957.667.939
Tổng	20%	3.830.671.756

Cổ tức

- Theo nghị quyết số 09/2018/CTP/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2018 thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tổng giá trị dự kiến phát hành 1.000.000 cổ phiếu, kết quả phát hành thực tế là 999.998 cổ phiếu.

- Theo nghị quyết số 79/2018/CTP/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 08 năm 2018 thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tổng giá trị dự kiến phát hành 1.099.999 cổ phiếu, kết quả phát hành thực tế là 1.099.994 cổ phiếu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 05 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 09 năm tiếp theo quy định tại khoản 1 điều 11 và khoản 1 điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiển Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	45.166.893	833.011.411
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	97.894.946	2.598.002.075
Cộng	143.061.839	3.431.013.486

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cà phê Tây Bắc	1.386.000.000	-	15.251.000.000	-
Công ty Cổ phần Nông Sản Nam á	30.017.673.000	-	-	-
Công ty gia vị Hà Nội	8.969.100.000	-	9.450.000.000	-
Công ty TNHH nông sản Ngọc Sang	14.852.974.500	-	-	-
Hợp tác xã Cà Phê Bích Thao Sơn La	17.766.224.000	-	-	-
Các khách hàng khác	16.425.620.000	-	-	-
Cộng	89.417.591.500	-	24.701.000.000	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ứng trước tiền mua nông sản cho người nông dân	-	-	11.678.600.000	-
Hồ Văn Kiện	-	-	10.927.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	35.000.000	-	440.111.000	-
Cộng	35.000.000	-	23.045.711.000	-

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	11.700.000.000	-
Phải thu về tạm ứng ban lãnh đạo	-	-	11.700.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	100.187	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	100.187	-	-	-
Cộng	100.187	-	11.700.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	102.285.715	-
Thành phẩm	3.484.195.988	-	8.751.034.922	-
Hàng hóa	-	-	17.748.956.250	-
Cộng	3.484.195.988	-	26.602.276.887	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	241.975.959
Hoàn nhập dự phòng	(241.975.959)
Số cuối năm	-

6. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bảo hiểm	8.155.909	5.761.364
Công cụ dụng cụ	37.731.464	11.897.724
Phí đánh giá UTZ	30.333.334	-
Cộng	76.220.707	17.659.088

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151m ² của nhà máy ở Quảng Trị	3.181.786.816	3.267.813.343
Chi phí Công cụ dụng cụ	76.109.992	42.029.041
Chi phí sửa chữa nhà máy	183.702.727	241.367.757
Cộng	3.441.599.535	3.551.210.141

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.551.699.369	6.703.890.909	3.763.200.000	402.000.000	18.420.790.278
Mua trong năm	28.546.560.000	5.642.000.000	215.454.545	574.545.455	34.978.560.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(390.000.000)	-	-	(390.000.000)
Số cuối năm	36.098.259.369	11.955.890.909	3.978.654.545	976.545.455	53.009.350.278

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.909.229.966	2.540.503.225	824.483.334	263.915.753	6.538.132.278
Khấu hao trong năm	884.340.370	733.516.781	492.843.181	57.594.697	2.168.295.029
Thanh lý, nhượng bán	-	(36.562.500)	-	-	(36.562.500)
Số cuối năm	3.793.570.336	3.237.457.506	1.317.326.515	321.510.450	8.669.864.807

Giá trị còn lại

Số đầu năm	4.642.469.403	4.163.387.684	2.938.716.666	138.084.247	11.882.658.000
Số cuối năm	32.304.689.033	8.718.433.403	2.661.328.030	655.035.005	44.339.485.471

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 2.740.000.000 VND và 2.340.416.667 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	58.000.000.000	(843.588.374)	58.000.000.000	(535.643.366)
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam (a)	58.000.000.000	(843.588.374)	58.000.000.000	(535.643.366)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.500.000.000	(155.792.578)	6.700.000.000	-
Công ty Cổ phần cà phê Avina (b)	10.500.000.000	(155.792.578)	6.700.000.000	-
Cộng	68.500.000.000	(999.380.952)	64.700.000.000	(535.643.366)

(a): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam theo nghị quyết số 04/2015/TPG/NG-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 10 năm 2015 thông qua việc góp vốn bằng cổ phần của Bà Nguyễn Thị Thủy; tổng giá trị 58.000.000.000 VND tương đương 96,67% vốn điều lệ.

(b): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần cà phê Avina theo nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng góp vốn đầu tư số 0708/HĐGV ngày 17 tháng 8 năm 2017, tổng giá trị đầu tư là 10.500.000.000 VND, tương đương 7% vốn điều lệ.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	14.782.378.250	17.970.584.250
Công ty cổ phần Nasan Việt Nam	14.782.378.250	17.970.584.250
Phải trả các nhà cung cấp khác	31.926.247.162	155.424.377
Phải trả nông dân về thu mua cà phê	28.882.352.800	-
Hồ Văn Kien	3.033.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	10.894.362	155.424.377
Cộng	46.708.625.412	18.126.008.627

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.122.520.183	-	383.694.326	(1.122.520.182)	383.694.327	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.926.480	-	38.641.726	(48.568.206)	-	1.000.000
Cộng	1.131.446.663	-	422.336.052	(1.171.088.388)	383.694.327	1.000.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Sản phẩm là hạt cà phê chỉ qua sơ chế thông thường bán cho các doanh nghiệp	Không phải kê khai, nộp thuế GTGT
Thuế GTGT bán tài sản	10%
Thuế GTGT bán nông sản chưa qua chế biến cho cá nhân, tổ chức khác	5%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiển Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 05 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 09 năm tiếp theo quy định tại khoản 1 điều 11 và khoản 1 điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	3.801.249	-
Công ty cổ phần Nasan Việt Nam - Chi phí lãi vay phải trả	3.801.249	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.559.414	7.689.992
Chi phí lãi vay phải trả	2.559.414	7.689.992
Ông Hồ Văn Kiện (*)	16.000.000	-
Cộng	22.360.663	7.689.992

(*) Là chi phí thuê đất giữa Công ty Cổ Phần Cà Phê Thương Phú và Ông Hồ Văn Kiện theo hợp đồng số 0111/2018/HĐ-CTP. Thời hạn cho thuê đất là 15 năm kể từ ngày 01/11/2018. Bên cho thuê không được thu hồi lại đất cho thuê khi chưa hết thời hạn thuê đất. Nếu bên cho thuê đơn phương hủy hợp đồng trước thời hạn thuê thì phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất không thu hồi được tính theo giá trị còn lại của tài sản trên đất trên tại thời điểm hủy hợp đồng.

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	-	8.698.392
Bảo hiểm y tế	-	1.490.724
Bảo hiểm thất nghiệp	-	662.544
Cộng	-	10.851.660

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiển Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	12.709.000.000	12.709.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam				
(a)	12.709.000.000	12.709.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.048.000.000	2.048.000.000	3.983.500.000	3.983.500.000
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	-	-	3.983.500.000	3.983.500.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch (b)	2.048.000.000	2.048.000.000	-	-
Cộng	14.757.000.000	14.757.000.000	12.983.500.000	12.983.500.000

(a) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 10122018/NS ngày 10 tháng 12 năm 2018 với Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam, số tiền vay là 12.709.000.000 VND. Thời hạn vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay là 0,7%/năm.

(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 93/2018/HĐTD ngày 06 tháng 07 năm 2018, hạn mức tín dụng cho vay là 2.700.000.000 VND, trong đó phần cho vay tài trợ xuất khẩu trước giao hàng là 900.000.000 VND, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất được ghi trên giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ. Mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của khách hàng. Các tài sản đảm bảo của công ty bao gồm:

+ Thế chấp Công trình trên đất số 181, tờ bản đồ số 41 Thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

+ Thế chấp xe ô tô con Porsche, sản xuất năm 2008, biển kiểm soát 74A-07352.

+ Cam kết đưa tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 11-TT01 dự án ở tái định cư, thương mại – khu đô thị mới Tây Nam Linh Đàm, thôn Bằng A, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội theo HĐMB số 179/2016/HĐMB/NVTTL của bà Nguyễn Thị Thủy và Ông Võ Văn Thắng vào thế chấp tại MSB để đảm bảo hạn mức của KH tại MSB.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số tiền vay phát sinh		Số tiền vay đã trả trong năm	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.983.500.000	7.216.000.000	(9.151.500.000)	2.048.000.000
Vay ngắn hạn bên liên quan	9.000.000.000	12.709.000.000	(9.000.000.000)	12.709.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	8.350.000.000	(8.350.000.000)	-
Cộng	12.983.500.000	28.275.000.000	(26.501.500.000)	14.757.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.513.296.299	1.915.335.878	4.428.632.177
Cộng	2.513.296.299	1.915.335.878	4.428.632.177

15. Vốn chủ sở hữu**A, Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	1.179.967.887	22.032.747.026	123.212.714.913
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	20.693.587.347	20.693.587.347
Trích lập các quỹ	-	1.333.328.412	(2.666.656.824)	(1.333.328.412)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	2.513.296.299	35.059.677.549	137.572.973.848
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	2.513.296.299	35.059.677.549	137.572.973.848
Tăng vốn từ lợi nhuận (*)	20.999.920.000	-	(20.999.920.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	7.036.449.005	7.036.449.005
Trích lập các quỹ (**)	-	1.915.335.878	(3.830.671.756)	(1.915.335.878)
Số dư cuối năm nay	120.999.920.000	4.428.632.177	17.265.534.798	142.694.086.975

(*) Theo nghị quyết số 09/2018/CTP/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2018 thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tổng giá trị dự kiến phát hành 1.000.000 cổ phiếu, kết quả phát hành thực tế là 999.998 cổ phiếu.

- Theo nghị quyết số 79/2018/CTP/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 08 năm 2018 thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tổng giá trị dự kiến phát hành 1.099.999 cổ phiếu, kết quả phát hành thực tế là 1.099.994 cổ phiếu.

(**) Theo nghị quyết số 54B/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 6 năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, cụ thể:

Trích lập các quỹ	Tỷ lệ/LNST	Số tiền
Quỹ đầu tư phát triển	10%	1.915.335.878
Quỹ khen thưởng	5%	957.667.939
Quỹ phúc lợi	5%	957.667.939
Tổng	20%	3.830.671.756

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiển Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**B, Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.099.992	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.099.992	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.099.992	10.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.099.992	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.099.992	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	86,91	703,53

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu		
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	29.982.123.908	9.273.018.400
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	101.327.888.031	149.989.395.491
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.080.000.000)	-
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.080.000.000)	-
Doanh thu thuần	130.230.011.939	159.262.413.891
Trong đó:		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	28.902.123.908	9.273.018.400
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	101.327.888.031	149.989.395.491

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	35.902.726.250	9.606.922.970
Giá vốn của thành phẩm đã bán	83.661.929.063	124.973.164.113
Các khoản chi phí ngừng sản xuất theo mùa vụ	124.070.989	168.233.351
Cộng	119.688.726.302	134.748.320.434

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.066.491	1.755.205
Lãi tiền cho vay	1.884.167	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.191.890	5.458.664
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	3.493.954
Cộng	20.142.548	10.707.823

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	274.542.551	422.653.876
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	29.179.447	11.679.037
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	463.737.586	535.643.366
Cộng	767.459.584	969.976.279

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	270.403.710	25.820.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.859.663	241.111.848
Các chi phí khác	23.056.883	272.109.954
Cộng	429.320.256	539.041.802

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	764.874.893	718.275.297
Chi phí vật liệu quản lý	204.899.727	105.778.076
Chi phí khấu hao tài sản cố định	470.400.000	57.083.333
Thuế, phí và lệ phí	20.310.235	5.958.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.471.741	87.940.960
Các chi phí khác	164.388.220	190.625.459
Cộng	1.906.344.816	1.165.662.100

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	16.437.500	-
Các chi phí khác	21.722.698	34.013.568
Cộng	38.160.198	34.013.568

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.420.143.331	21.816.107.531
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	253.743.184	140.296.146
<i>Các chi phí không hợp lệ</i>	<i>21.722.698</i>	<i>143.790.100</i>
<i>Tài sản có nguyên giá trên 1,6 tỷ</i>	<i>142.500.000</i>	-
<i>Chi phí để thuê được đất Quảng Trị</i>	<i>86.026.532</i>	-
<i>Lãi đánh giá khoản mục có gốc ngoại tệ năm trước</i>	<i>3.493.954</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.493.954)
<i>Lãi đánh giá khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>(3.493.954)</i>
Thu nhập chịu thuế	7.673.886.515	21.956.403.677
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	767.388.652	2.195.640.368
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(383.694.326)	(1.097.820.184)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	383.694.326	1.097.820.184
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	24.700.000
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	383.694.326	1.122.520.184

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Doanh nghiệp không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.729.920.237	120.496.336.294
Chi phí nhân công	1.189.560.078	1.021.467.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.168.295.029	1.620.517.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	563.368.708	641.458.611
Chi phí khác	203.445.103	610.839.193
Cộng	80.854.589.155	124.390.618.495

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ công nợ	59.976.000	-
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	20.999.920.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiển Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban lãnh đạo, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay
Tạm ứng	3.000.000.000
Thu lại tạm ứng	14.700.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm kế toán công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số V.4.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	108.000.000	108.000.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị	95.689.914	253.082.181

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần cà phê Avina	Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú là Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam		
Phải thu bán hàng hóa	59.976.000	17.970.584.280
Phải trả về mua hàng hóa	18.153.770.000	17.784.000.000
Trả tiền mua hàng	21.282.000.000	-
Bù trừ công nợ	59.976.000	-
Phải trả về tiền vay	12.709.000.000	-
Trả tiền vay	9.000.000.000	-
Phải trả lãi vay	15.769.999	-
Trả tiền lãi vay	11.968.750	-
Công ty Cổ phần cà phê Avina		
Tiền góp vốn	3.800.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công nợ với các bên liên quan khác được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số V.10; V.12; V.14.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Doanh nghiệp có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban lãnh đạo đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các đối tượng nợ lâu ngày hoặc khó thu hồi, đơn vị đều có phương án trích lập dự phòng kịp thời.

Khoản phải thu khách hàng của Doanh nghiệp liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là không cao.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Doanh nghiệp được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Doanh nghiệp cho các cá nhân có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Doanh nghiệp chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Doanh nghiệp quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	14.757.000.000	-	-	14.757.000.000
Phải trả người bán	46.708.625.412	-	-	46.708.625.412
Các khoản phải trả khác	22.360.663	-	-	22.360.663
Cộng	61.487.986.075	-	-	61.487.986.075
Số đầu năm				
Vay và nợ	12.983.500.000	-	-	12.983.500.000
Phải trả người bán	18.126.008.627	-	-	18.126.008.627
Các khoản phải trả khác	18.541.652	-	-	18.541.652
Cộng	31.128.050.279	-	-	31.128.050.279

Trình bày đánh giá về rủi ro thanh khoản.

Ban lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Doanh nghiệp gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Doanh nghiệp quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Doanh nghiệp chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Doanh nghiệp quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá hàng hóa

Doanh nghiệp có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Doanh nghiệp quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

D, Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.061.839	3.431.013.486	143.061.839	3.431.013.486
Phải thu khách hàng	89.417.591.500	24.701.000.000	89.417.591.500	24.701.000.000
Các khoản cho vay	-	2.780.000.000	-	2.780.000.000
Các khoản phải thu khác	100.187	11.700.000.000	100.187	11.700.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	67.500.619.048	64.164.356.634	67.500.619.048	64.164.356.634
Cộng	157.061.372.574	106.776.370.120	157.061.372.574	106.776.370.120
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	14.757.000.000	12.983.500.000	14.757.000.000	12.983.500.000
Phải trả người bán	46.708.625.412	18.126.008.627	46.708.625.412	18.126.008.627
Các khoản phải trả khác	22.360.663	18.541.652	22.360.663	18.541.652
Cộng	61.487.986.075	31.128.050.279	61.487.986.075	31.128.050.279

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Doanh nghiệp sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Doanh nghiệp chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Phạm Thái Hà

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Ái